

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **487/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày: 10/9/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN A

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Châu Vũ Bình.**

2. Ông **Nguyễn Quốc Thuận.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** -
Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà **Lý
Nguyễn Huyền Trang**- kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 199/2019/TLST-HN ngày 10 tháng 04 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2019/QĐST-HN ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2019/QĐST-HN ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang.

* **Bị đơn** **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang.

NHẬN THẤY:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: chị và anh A cưới nhau vào năm 2012 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 27/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh A không chăm lo cho gia đình. Chị L và anh A sống ly thân từ giữa năm 2018 cho

đến nay. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh A.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày 15/12/2013 và Nguyễn Vũ D, sinh ngày 07/02/2016, hiện cháu D đang sống với chị L và cháu B đang sống với anh A. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu B và cháu D, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Nguyễn Văn A từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh A vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn anh A. Về con chung; chị L yêu cầu được nuôi cháu D, anh A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu B. Chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: chị L trình bày không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; xét thấy mâu thuẫn giữa anh A và chị L đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L; tại phiên tòa, chị L trình bày về yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; trình bày về tài sản chung, nợ chung phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Văn A có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 36 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh A xác lập hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, Tỉnh Tiền Giang vào ngày 27/11/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì mâu thuẫn gia đình xảy ra do bất đồng quan điểm sống, anh A không lo làm ăn, quan tâm vợ con nên mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng. Xét thấy, anh A và chị L từ lúc phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng, sống ly thân từ tháng giữa năm 2018 đến nay, đồng thời anh A không đến dự phiên tòa, điều đó chứng tỏ anh A không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa chị L xác nhận không còn tình cảm với anh A nên mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày 15/12/2013 và Nguyễn Vũ D, sinh ngày 07/02/2016. Hiện cháu D đang sống với chị L và cháu B đang sống với anh A. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống ổn định của 02 con chung và quyền lợi ích của các con, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ D, giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thanh B. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Anh A, chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: do chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Nguyễn Thị L.

1/ Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vũ D, sinh ngày 07/02/2016.

Giao cho anh Nguyễn Văn A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày 15/12/2013.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh A, chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0015896 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nên chị đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Nguyễn Văn A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã B; N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

Nguyễn Thị Ánh Hồng